

DỰ KIẾN KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 4-5 TUỔI NĂM HỌC 2025 -2026
Thực hiện Từ ngày 15/09/2025 đến ngày 22/5/2026

Thứ tự	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non - Vui tết trung thu.	-Trường mầm non của bé.	1	15-19/9/2025
		- Các hoạt động ở trường Mầm Non	2	22-26/9/2025
		- Lớp học của bé	3	29/09- 03/10/2025
2	Bản thân	- Bé tự giới thiệu về mình - – bé vui đón trung thu	4	06 -10/10/2025
		- Cơ thể tôi và bạn	5	13-17/10/2025
		- Bé lớn lên từng ngày – Ngày vui của bà của mẹ	6	20-24/10/2025
3	Gia đình bé- Ngày hội của cô giáo.	- Gia đình bé	7	27/10-31/10/2025
		-Ngôi nhà bé ở	8	03 - 07/11/2025
		- Đồ dùng trong gia đình bé	9	10 -14 /11/2025
		-Bé với những món ăn trong gia đình	10	17-21/11/2025
		-Ngày hội của cô giáo	11	24 -28/11/2025
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì (Ngày 22/12)	- Nghề làm nông, nghề đánh cá	12	01-05/12/2025
		- Nghề thợ xây	13	08-12/12/2025
		- Nghề thầy thuốc	14	15-19/12/2025
		- Cháu yêu chú bộ đội	15	22-26/12/2025
		- Nghề thợ may	16	29/12/2025 - 02/01/2026
5	Những con vật đáng yêu	- Động vật nuôi trong GD	17	05 - 09/01/2026
		- Động vật sống trong rừng	18	12-16/01/2026
		- Động vật sống dưới nước	19	19-23/01/2026
		- Côn trùng và một số loại chim	20	26- 30/ 1/2026
6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân – Vui ngày 8/3	- Cây xanh và MT sống	23	02/02 - 6 /2/2026
		- Bé vui đón tết nguyên đán	24	09 - 13/2/2026
		- Mùa xuân của em	25	23-27/2/2026
		- Một số loại rau, củ – ngày vui 8/3		02/03 - 6 /3/2026
		Một số loại hoa		09/03 - 13 /3/2026
		- Một số loại quả		16 - 20/3/2026

7	Phương tiện và qui định giao thông	- PT và QĐGT đường bộ	27	23- 27/ 3 /2026
		- PT và QĐGT đường thủy	28	30/3 -03/4/2026
		- PT và QĐGT đường hàng không	29	06 -10/4/2026
8	Nước và các hiện tượng thiên nhiên	- Bé tìm hiểu về nước.	30	13-17 /4/2026
		- Các hiện tượng thời tiết	31	20-24/4/2026
		- Các mùa trong năm	32	27/ 04 -01/5/2026
9	Quê hương – Đất nước Bắc Hồ	- Quê hương em.	33	04 - 08/5/2026
		- Việt nam mến yêu	34	11-15/5/2026
		- Bắc Hồ kính yêu và mừng SN Bắc	35	18 - 22/5/2026
Cộng			35 tuần	

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG TRẺ

ĐỘ TUỔI: MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với trẻ - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ MG gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	- Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng VS trước và sau khi ăn; * <i>Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, búp phê..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ * <i>Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc * <i>Trước lúc cho trẻ ngủ:</i> - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lẩy chăn gối - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * <i>Trong khi ngủ</i>	- Giáo viên chủ nhiệm - NV nấu ăn	

	- Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng. Giáo viên có thể pha nước muối	Giáo viên và bảo vệ	

	thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bộ đồ vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy VS đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày.		
--	---	--	--

	- Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khẳn ó màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai- mũi- họng, răng-hàm- mặt, cơ- xương- khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2024 và tháng 3/2025) - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp PH chăm sóc trẻ b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau:	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - - Phụ huynh	

	+ Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%) + Thuốc hạ sốt; OERSOL; Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. <i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch bệnh. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật (nếu có)	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm hồ sơ cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất; + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp; + Khả năng nhận thức; + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI

A.MỤC TIÊU GIÁO DỤC	B.NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe 1.Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo yêu cầu lứa tuổi.	- Trẻ phát triển cân đối bình thường, đạt chiều cao cân nặng trong - Cân, đo theo dõi sức khỏe qua biểu đồ - Khám sức khỏe định kỳ - Phòng chống dịch bệnh cho trẻ - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì cho trẻ
2. Trẻ biết một số loại thực phẩm: Nhóm thực phẩm có nhiều chất đạm và nhóm thực phẩm có nhiều chất vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng) - Nhận biết các bữa ăn trong ngày, và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật
3. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản:	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến, rán đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo * LVPTTCKNXH: - Dạy trẻ kỹ năng sơ chế một số loại thực phẩm thông thường. -Bé học làm món nộm -Bé làm chả cuốn -Bé làm bánh...
4. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..) - Không uống nước lã, không ăn quà vặt ngoài đường. - Biết không ăn thức ăn ôi thiu, uống các loại nước ngọt * KPKH: - Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh. - Dinh dưỡng cần cho bé - Những món ăn trong gia đình
5. Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở (tự rửa	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong xả nước. - Biết rửa tay sau khi đi vệ sinh xong - Rửa gọn, không vẩy nước ra ngoài

tay bằng xà phòng, lau mặt, đánh răng...)	- Tập làm công việc tự phục vụ: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây. - Phân biệt trang phục theo từng mùa * LVPTTCXH: - Dạy trẻ kỹ năng biết xếp đồ dùng (xếp chăn, màn... lau chùi đồ dùng, đồ chơi..) -Dạy trẻ kỹ năng rửa tay, lau mặt. -Dạy trẻ kỹ năng thay quần áo -Dạy trẻ kỹ năng mang tất -Dạy trẻ kỹ năng gấp chăn
6.Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không để rơi vãi cơm, đổ thức ăn - Biết cầm thìa bằng tay phải - Không bốc thức ăn, không xúc thức ăn bỏ cho bạn, không bỏ thức ăn ra đĩa... thức ăn rơi nhặt vào đĩa..... * LVPTTCXH. -KNS:Tổ chức bữa ăn -Dạy trẻ kỹ năng cầm thìa, bát khi ăn cơm...
7. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.	- Mời cô, mời bạn khi ăn: ăn từ tốn nhai kỹ - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau. - Khi ăn không nói chuyện riêng, không khạc nhổ, khi ho, hắt xì biết đem tay che miệng, không lấy thức ăn của bạn. - Không uống nước lã. -KNS: Một số hành vi văn minh trong ăn uống +Tiệc trà tri ân
8. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: -Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học.	Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. đi dày đi dép khi đi học. -Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt, ho.... -Đi vệ sinh đúng nơi quy định * LVPTTCKNXH: -Dạy trẻ biết mang giày, mang tất. - Dạy trẻ kỹ năng bảo vệ bản thân trước mùa dịch bệnh
9. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. khi đến gần: Bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... - Không nghịch những nơi có đồ vật sắc nhọn - Cách xử lý khi gặp nguy hiểm: Kêu cứu/Gọi người xung quanh giúp đỡ khi mình hoặc người khác bị đánh, bị ngã, chảy máu hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm khi cháy, nổ.

	- Hoạt động học: KPKH: -Đồ dùng trong gia đình. - Dạy trẻ tránh xa một số đồ dùng, nơi nguy hiểm:(bàn là, dao, kéo ...) * LVPTTCKNXH: - Dạy trẻ kỹ năng tự bảo vệ bản thân - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh điện giật - Dạy trẻ kỹ năng tránh xa một số vật, đồ dùng nguy hiểm(dao, cày cuốc, liềm) -Dạy trẻ kỹ năng phòng chống hỏa hoạn.
10. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận ra những nơi như: ao, hồ, ruộng, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm không đến gần. - Không đi ra những chỗ ao hồ không có người lớn - Không đứng gần gốc cây xuống nhìn * LVPTTCKNXH: - Dạy trẻ kỹ năng phòng chống đuối nước. - Dạy trẻ kỹ năng mặc áo phao
11. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... -Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ.. không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. *- LVPTTCXH - Dạy trẻ không đi theo người lạ. - Bé làm gì khi bị lạc
12. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp (chạy, ngã chảy máu...)...(MT4)	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết * LVPTTCXH: - Kỹ năng phòng, tránh hỏa hoạn. * LVPTNT- LQVT. - Số điện thoại đáng yêu (Những số điện thoại đáng nhớ).

	KNS: Dạy trẻ nhận biết số điện thoại khẩn cấp.
* Phát triển vận động	
13. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau; Quay sang trái, sang phải - Thực hiện các động tác chân: Nhún chân; ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ; Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối
14. Trẻ biết giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: đi liên tục trên ghế thể dục; đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	* LVPTTC- TD - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. , dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn . Dích dắc theo vật chuẩn
15. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc).	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35-40cm - Bật nhảy từ trên cao xuống (Cao 30-40 cm) - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10-15 cm. * TCVD: - Nhảy lò cò - về đúng nhà - Kéo co - Mèo đuổi chuột - Bịt mắt bắt dê. - Chim sẻ và ô tô - Gà trong vườn rau.
16. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động chuyền, tung, ném, đập, bắt bóng: Tung, bắt bóng với người đối diện (bắt được 03 lần liên không rơi với khoảng cách 3 m)	- Phối hợp tốt vận động tay mắt trong tung, đập, ném, bắt bóng. - Tung, bắt bóng với người đối diện, bắt được bóng 3 lần không bị rơi bóng ở khoảng cách 3m. - Tung, ném, bắt: * LVPTTC- TD - Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,2-1,4m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5-1,2 m). - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay.

	- Ném trúng đích ngang (xa 2 m) * TCVD: - Chuyển bắt, bóng qua đầu, qua chân - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. - Lăn bóng vào đích. - Đẩy bóng.
17. Trẻ biết phối hợp nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây; Bò đích dắc (3-4 điểm đích dắc cách nhau 2m); Bật xa 35-40 cm...	+ Chạy chậm 60 - 80m. + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. * LVPTTC- TD - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang. * TCVD: - Chạy cướp cờ. - Ai nhanh nhất....
18. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi - Gập giấy. - Xé dán theo ý thích.
19. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số HĐ: cắt thành thạo theo đường thẳng; vẽ hình người...; biết tết sợi đôi:	- Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Cài, cởi cúc, kéo khóa, khâu, luồn, buộc dây dầy * HĐ Steam: Làm khung ảnh gia đình
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
* Khám phá khoa học	
20. Trẻ nhận biết một số đặc điểm về hiện tượng tự nhiên. (Hiện tượng thời tiết, sự khác	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.

nhau về ngày và đêm; đặc điểm, tính chất của nước, lợi ích của nước đối với đời sống con người và cây cối, con vật: Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Trả lời các câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng “Vì sao cây lại héo?”; “Vì sao lá cây bị úớt?” * HDH: Cây xanh và môi trường sống * Hoạt động trải nghiệm: - Sự phát triển của cây - Sự ngưng tụ của nước (Làm mưa) - Tạo tình huống để trẻ có cơ hội khám phá
21. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. 21. Trẻ biết chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng của cây, hoa, rau, củ, quả, con vật - Quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. - Hỏi về những thay đổi/ cái mới xung quanh * LVPTNT- KPKH: - Tìm hiểu các loại hoa - Tìm hiểu một số loại quả - Tìm hiểu một số loại rau củ - Tìm hiểu các giác quan : Vị giác; Thính giác, Khứu giác; xúc giác - Bé tìm hiểu về “cái miệng” - Sự kì diệu của đôi bàn tay...
22. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Trẻ được Làm một số thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán: như gieo hạt, Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh - Thực hành trải nghiệm, - Thu thập thông tin về đối tượng được trải nghiệm bằng nhiều cách khác nhau. - Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được thử nghiệm. * HD trẻ trải nghiệm: - Vật chìm vật nổi - Cho trẻ pha màu nước - Sự kì diệu của màu sắc - Bé học pha màu - Chiếc áo phao của quả cam
23. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện - Trẻ biết trao đổi các thông tin và chia sẻ thông tin mình thu thập được, cùng với bạn và nhóm bạn chia sẻ sự hiểu biết của trẻ trong các hoạt động. - KPKH: Bé cần gì lớn lên và khoẻ mạnh + Cảm xúc của bé + Khuôn mặt biểu lộ cảm xúc
24. Phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.. - Nhận ra sự giống nhau của 2 hoặc một nhóm đối tượng - Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những cái khác. * LVPTNT- KPK: - Phân loại đồ dùng trong gia đình. - Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống - Phân loại các phương tiện giao thông.
25. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. * HD khám phá khoa học - Sự kỳ diệu của không khí - Sự kỳ diệu của đá, sỏi - Tan hay không tan
26. Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến đời sống con người.	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - HĐTN: Sự kỳ diệu của nước - KPKH: + Ngày và đêm + Tìm hiểu về các nguồn nước + Các hiện tượng tự nhiên + Một số hiện tượng thời tiết + Các mùa trong năm * HD Steam: Làm chuông gió * HD Steam: sự kỳ diệu những chiếc lá Trò chuyện sáng Units: Chủ đề “Nước hiện tượng tự nhiên”
27. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết một số vấn đề đơn giản (vd: làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn...)	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng - Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. * HD Trải nghiệm; * HD Steam: - Làm khung ảnh để bàn

	- Làm những chiếc hộp đựng bút - Làm thuyền nổi trên mặt nước - Làm thiệp tặng mẹ -Làm đèn lồng -Làm đồ dùng đồ chơi theo chủ đề...
28: Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, công dụng, ích lợi của các con vật, cây cối, hoa quả, rau, PTGT	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Biết được tính chất, nơi hoạt động và quy định của 1-2 đồ vật Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu * KPKH: - Động vật trong gia đình - Động vật sống dưới nước - động vật sống trong rừng - Một số côn trùng - Một số PTGT đường bộ - Một số PTGT đường không - Một số PTGT đường thủy - Một số loại hoa - Một số loại quả - Một số loại rau củ... Trò chuyện sáng Units: Về chủ đề động vật, giao thông, Thực vật.
29. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	Trẻ biết Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình. - Trẻ thể hiện bài hát về đồ vật được nhắc đến - Đưa ra ý tưởng tạo hình tái tạo lại đồ vật đó - Trò chuyện sáng theo PP Unit
* Khám phá xã hội	
30. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tìm hiểu về bản thân: Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài của bản thân mình. - Sở thích của bản thân khi được hỏi - Những điều trẻ không thích * LVPTNT- KPXH: - Bạn của em. - Cơ thể tôi và bạn. - Bé tự giới thiệu về bản thân Trò chuyện sáng Units: Về chủ đề bản thân, ước mơ của bé. * HD Steam: Làm đồ chơi tặng bạn

31. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. - Các thành viên gia đình, khám phá gia đình * LVPTNT- KPXH: - Gia đình bé yêu - Những người thân trong gia đình - Ngày hội gia đình việt nam(28/6) - Tìm hiểu bữa ăn trong gia đình bé * HD Steam: Làm khung ảnh gia đình
32. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình của mình khi được hỏi đến (Xóm, xã,...) - Biết và đọc được số điện thoại của bố, mẹ hay điện thoại chung của gia đình mình khi được người lớn hỏi. * KHXXH: - Tìm hiểu về ngôi nhà bé ở
33. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Nhận biết trường mầm non qua các hoạt động: Cô và các bạn; Các hoạt động ở trường mầm non - Tên trường, lớp và địa chỉ của trường lớp nơi trẻ học. - Công việc của cô giáo trong lớp, cô cấp dưỡng, các cô nhân viên, bác bảo vệ trường. * LVPTNT-KPXXH: - Trường mầm non của bé. - Một số hoạt động trong trường mầm non
34. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. * LVPTNT –KPXXH: - Lớp học của bé * HD trải nghiệm. - Ngày sinh nhật bé *LVPTTM – TH: - Làm đồ chơi tặng bạn
35. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	-Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, truyền thống của địa phương - Tìm hiểu tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương - Lợi ích của một số nghề * LVPTNT-KPXXH: - KPXH: Nghề làm ruộng, nghề đánh cá. - KPXH: Thầy thuốc - KPXH: Thợ may - KPXH: Em yêu chú bộ đội - KPXH: Cô giáo của em * Trò chuyện sáng Units: Nghề em yêu thích; ước mơ của em.

36. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Biết và kể tên một số lễ hội nổi bật và gần gũi. - Những đặc điểm nổi bật của các ngày lễ hội. * LVPTNT-KPXH: - Ngày hội cô giáo. - Trung thu của bé. - Em yêu chú bộ đội (22/12). - Bé vui đón tết - Mùa xuân của bé - Ngày 8/3 - Mừng sinh nhật bác 19/5 * Hoạt động Steam: Làm đèn lồng, làm quà, Trang trí lễ hội, bánh chưng xanh..... * Trò chuyện sáng Units: Ngày hội trên Quê hương em.
37. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. Tìm hiểu một số địa danh, khu du lịch biển nổi tiếng của quê hương, đất nước - Bảo vệ môi trường biển đảo, yêu quý và bảo vệ môi trường Biển cửa lò, Nha trang, Sầm sơn...; Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Bãi lữ, Biển diển thành...) * LVPTNT-KPXH: - Diển hùng quê hương em. - Diển châu quê em
* <i>Làm quen với toán</i>	
38. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Trẻ nhận biết, quan tâm đến các biểu bảng, các con số hàng ngày. - Biết sử dụng các câu hỏi (bao nhiêu?, Là số mấy?...).
39. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm số lượng của 1 nhóm. - Đếm số lượng của các nhóm khác có cùng số lượng. * LVPTNT- LQVT - Toán Tiết 1(Số 2,3,4,5.) - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
40. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10	- So sánh số lượng của hai nhóm trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau.

bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh hai con số giống (khác) nhau biểu thị hai nhóm đối tượng khác nhau có cùng số lượng, khác nhau về số lượng. - Trẻ nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Trẻ biết thêm, bớt đối tượng để tạo sự bằng nhau. * LVPTNT- LQVT - LQVT: Tiết 2(số 2,3,4,5)
41. Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả; tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Đếm riêng số lượng của từng nhóm và ghi nhớ kết quả. - Gộp hai nhóm đối tượng thành một nhóm mới (đón vào 1 chỗ, bỏ chung vào 1 nơi..). - Đếm số lượng nhóm mới tạo thành. - Trẻ nói được kết quả sau khi gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5. - Đếm số lượng nhóm ban đầu - Chia nhóm đó thành 2 nhóm nhỏ theo các cách khác nhau. - Đếm số lượng của từng phần chia - Trẻ nói được kết quả sau khi tách nhóm đối tượng. - Nhắc lại cách làm và kết quả. (- Tổ chức cho trẻ chơi mọi lúc mọi nơi như hoạt động góc, hoạt động chiều)
42. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự từ 1-5 - Giới thiệu cho trẻ biết con số biểu thị số lượng của nhóm đó. - cho trẻ lấy thẻ số đặt đúng vào nhóm đối tượng đó. * LVPTNT- LQVT - Nhận dạng chữ số từ 1 đến 3 trong thực tế. - Nhận biết chữ số từ 1-5 qua biển số xe.
43. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..). - Trẻ làm quen với một vài số điện thoại khẩn cấp 113, 114, 115 thông qua các trò chơi trong các chủ đề. - Trẻ biết cách sử dụng các con số này khi nào và ý nghĩa của các con số này. -(Có thể tổ chức thông qua các tiết kỹ năng cho trẻ làm quen chữ số ... nhớ các số khi gặp sự cố ...)
44. Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 03 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Sắp xếp các đối tượng theo quy luật nhất định với các hoạt động. - Xếp theo một quy tắc cho trước. - Biết quy tắc sắp xếp của một số vật dụng hàng ngày. - Nhận ra quy tắc sắp xếp sẵn của các đối tượng và tiếp tục theo quy tắc đó. - Sắp xếp 3 đối tượng theo sự tăng dần hoặc giảm dần về kích thước.

	* LVPTNT- LQVT - So sánh chiều rộng của 3 đối tượng. - So sánh chiều dài của 3 đối tượng. - So sánh chiều cao của 3 đối tượng - Sắp xếp theo quy tắc của 2 đối tượng -Sắp xếp theo quy tắc của 3 đối tượng
45.Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo đồ vật bằng một dụng cụ đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo * LVPTNT- LQVT - Đo độ dài bằng một đơn vị đo - Nhận biết mục đích của phép đo
46. Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	* Làm quen với toán - Dạy trẻ ghép đôi từng cặp - Dạy trẻ xếp tương ứng 1:1, ...
47. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...).	- So sánh sự khác nhau và giống nhau giữa các hình vuông, tam giác, tròn, chữ nhật. - Tìm đồ vật có dạng hình vuông, tam giác, tròn, chữ nhật. - Xếp hình bằng hạt gạo. - Tạo hình bằng giấy, lá cây - Phân biệt các hình. * LVPTNT- LQVT - Nhận biết phân biệt: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật. - Phân biệt hình tròn và hình tam giác - Phân biệt hình vuông và hình chữ nhật. -Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Ghép các mảnh thành nhiều hình khác nhau. - Chắp ghép hình học thành các con vật. - Chắp ghép hình thành các phương tiện giao thông
48. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	* LVPTNT- LQVT - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Ghép các mảnh thành nhiều hình khác nhau. - sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau tạo thành các hình (Que tính, dây, lát, vòng chun, cộng rom...)
49. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ - Xác định vị trí của đồ vật so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Xác định vị trí trong không gian. * LVPTNT- LQVT -Xác định phía trên-phía dưới; phía trước-phía sau; phía phải-phía trái của bản thân -Xác định phía trên-phía dưới; phía trước-phía sau; phía phải-phía trái của đối tượng khác.

50. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. - Xác định thời gian trong ngày. - Hình thành biểu tượng về ngày * LVPTNT- KPKH. - Các buổi trong ngày.
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
* Nghe hiểu lời nói	
51. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Đưa ra yêu cầu liên tiếp (Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng). - Trò chơi: Bạn lấy được cái gì?
52. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Trẻ chơi các trò chơi (Tìm đồ vật cho đúng, Chọn quà tặng bạn, Thi xem ai nói đúng....)
53. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Lắng nghe và giao tiếp với người đối thoại. - Trò chuyện: Công việc của mẹ ngày chủ nhật.
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
54. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày - Nói rõ để người khác nghe có thể hiểu được. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
55. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.
56. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Biết đưa ra những lời nhận xét khác nhau.
57. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Trẻ đọc được và thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao đã được nghe, được học trong chương trình: * LVPTNN làm quen văn học: Qua các bài thơ trong các chủ đề - Chủ đề trường mầm non: + Nghe lời cô giáo(Nguyễn văn chương), cô giáo của con(hà quang), Cô giáo của em (Chu huy), Tình bạn (việt quỳnh) ,Bé tới trường(Nguyễn thanh sáu), Em luôn nhẹ nhàng (Phạm mai chi – hoàng dân sưu tầm)..... - Chủ đề Bản thân: + Tâm sự của cái mũi(Lê Thu hương sưu tầm) Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương), Đôi bàn tay nhỏ xinh, Mười ngón tay, Phải là hai tay(phạm cúc), Bé ơi (phong thu), Cô

dạy(phạm Hổ), trung thu đến, (Trung thu đến). vui trung thu cùng bé (Nguyễn Ngọc Ký), Trang rằm tháng 8. Tết trung thu , Trung Thu....Trăng sáng.

- Chủ Đề gia đình:

+Em yêu nhà em(Đàm thị lam luyến), Lấy tắm cho bà (Đình Hải), Quạt cho bà ngủ (Thạch quỳ), Lời Chào (Phạm cúc), Mẹ và cô(Trần quốc Toàn), Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan), Gió từ tay mẹ (Vương trọng)...

- Chủ đề Nghề Nghiệp:

+Làm bác sỹ (Lê Ngân), Bé làm bao nhiêu nghề (Yên thảo), Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ thị hương), Cái bát xinh (Thanh hòa), Đi bừa (Hoàng dân), Làm nghề như bố(Thu quỳnh sưu tầm), Chú giải phóng quân(Lê Thị Cẩm Thơ)....

- Chủ đề Động vật:

+Chim chích bông(Nguyễn việt bình), Mèo con(phùng phương quý), Em vẽ (Hoàng thanh hà), Cá ngủ ở đâu (Thùy Linh dịch), em vẽ(hoàng thanh hà), Đàn gà con ...

- Chủ đề Thực vật:

+ Hoa kết trái (Thu Hà), Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng kiên), Chùm quả ngọt, Tạ hữu nguyên), Bác bầu, bác bí, Rau lang, rau muống (phạm hổ), cây bàng (Xuân quỳnh), Hoa phượng(lê huy hòa), quả.....

- Chủ đề Giao thông:

Cô dạy con (Bùi thị tình), Chúng em chơi giao thông (Ngô tô ngải), bé và mẹ. Giúp bà (Hoàng thị phảng), Xe cần cẩu(Nguyễn đức), đèn giao thông (Thái Hà), Con đường của bé (Thanh thảo), Đoàn tàu lăn bánh (Tạ hữu yên),

- Nước hiện tượng tự nhiên:

Ông mặt trời, Cầu vồng (Ngô thanh thu), Trưa hè (Dạ thảo), Trăng sáng(Nhược thủy), Mùa hè của em (tuyết hoa dịch từ thơ nước ngoài), Mùa hạ tuyết vời (Phạm Hưng Long), Nước (Vương Trọng), Tia nắng (sưu tầm), bốn mùa ở đâu(cao xuân sơn),....

-Quê hương đất nước bác hồ:

Quê em vùng biển (Đặng quang định sưu tầm)., Bác hồ của em(Phan Thị thanh nhàn), Thăm nhà cháu (Thái hòa), Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao), Em vẽ Bác hồ(Thy Ngọc), Sáng tháng năm (Tổ hữu), Đất trời sáng lắm hôm nay (Trần Đăng Khoa)...

*** Đồng dao, ca dao**

+ Dung dăng dung dẻ; Nu na nu nống; Con mưa; Con công hay múa; Ba bà đi bán lợn con; Chi chi chành chành; Cái bóng là cái bóng bang; Trồng đậu trồng cà;

	Lộn cầu vòng; Đuối con se sẻ; Bài đồng giao; Con rùa; Thương con ba ba; Bò các là bác chim ri, Con bò ngủ gốc cây đa, lúa ngô là cô đậu nành, Trời mưa trời gió; Cút ca cút kít; Nghé ọ nghé ời; Về các loại rau; Về trái cây; Thả đĩa ba ba ba.... - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
58. Biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Mô tả sự vật, hiện tượng trong tranh, ảnh. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Tập kể chuyện sáng tạo, - Kể chuyện theo tranh truyện (Quả bóng đầu ròi, Bạn nam và chú chim nhỏ. - Kể chuyện theo chủ đề, kể chuyện theo kinh nghiệm của trẻ. - Dạy trẻ đóng kịch, mô phỏng lại nội dung của một số câu chuyện. - Qua các câu chuyện trong chủ đề:
59: Trẻ biết lắng nghe kể truyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện.	LVPTNNLQV Truyện: - Chủ đề Trường mầm Non: + Món quà cô giáo(phỏng theo truyền ngắn của tú anh), Người bạn tốt (hoàn thị hà), Câu chuyện về giấy kẻ(lương bình- kim tuyến)... - Chủ đề bản thân: Gấu con bị đau răng (Tạ thị bích liên), Cậu bé mũi dài(Lê thị hương- Lê thị đức), Cái mồm (phùng thành chúng)....Sự tích chú cuội cung trăng, sự tích tết trung thu...sự tích chiếc đèn ông sao, sự tích chị hằng... - Chủ đề Gia đình: Tích chu (Truyện cổ việt nam), Gấu con chia quà (Thái Chí t Thanh), Thỏ dọn nhà (Kim chi), Cả nhà đều làm việc (Hạ Huyền), Cháu ngoan của bà (Mai Thị Minh Huệ), Anh em nhà Thỏ, Nhỏ củ cải (dân gian nga), (Hoàng thị Minh Khanh)... - Chủ đề : Nghề nghiệp: Thần Sắt (Truyện cổ dân tộc thái), Người làm vườn và các con trai(Leptonxtoi), Sự tích quả dưa hấu(Truyện cổ việt nam),... - Chủ đề Động vật; Cáo thỏ và gà trống (Thu Thủy kê), Dê Con nhanh trí (Nguyễn hoàng), củ cải trắng (truyện cổ tích), Bác Rùa tốt bụng(Nguyễn Đình quảng), Chuyến đi xa của chú chuột nhỏ (Lê thị ánh tuyết), Mèo lại hoàn mèo(truyện ngụ ngôn việt nam)..... - Chủ đề thực vật: Cây táo thần(truyện cổ nước ngoài), Niềm vui từ bát canh cải(trần ngọc trâm sưu tầm), Sự tích mùa xuân(Cổ tích việt nam), nhỏ củ cải (Chuyện dân gian nga), quả bầu tiên(cổ tích việt nam), sự tích hoa mào gà(Cổ

	tích viết nam), sự tích hoa hồng, Hạt đỗ sót(Xuân quỳnh) ,Chú đỗ con, ... - Chủ đề Giao thông: Kiến con đi xe ô tô(Phạm mai chi suu tâm), Xe đạp con trên đường phố (Thu hạnh), Qua đường(Đỗ ngọc suu tâm), xe lu và xe ca(Nguyễn hồng thu), Kiến thi an toàn giao thông..., - Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên: đám mây đen xầu xí(Nguyễn văn thắng), giọt nước tí xíu(nguyên linh) Câu chuyện về giọt nước(Lê tuyết lê).. - Chủ đề: Quê hương đất nước Bác Hồ, Niềm vui bắt ngò(Nguyễn bá doanh), Quả táo bác hồ,(phỏng theo truyện quả táo của bác), Sự tích hồ gươm(truyện cổ tích), thánh gióng(truyện cổ tích)....
60. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc. Như biết mời người lớn, mời bạn, biết xin lỗi khi thấy sai...
61. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
Làm quen với việc đọc viết	
62. Chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Trẻ xem sách, biết tên sách và được xem nhiều lần. - Giữ gìn và bảo vệ sách
63. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Đọc truyện qua tranh vẽ - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.
64. Trẻ biết chọn sách để xem, biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Trẻ biết cầm sách và mở sách. - Biết nguyên tắc đọc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới, lật giở trang sách tiếp theo để đọc. - Phân biệt mở đầu kết thúc của sách. - Hướng đọc của các nét chữ ngắt, nghỉ sau mỗi dấu câu.
65. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường: (Nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ)
66. Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “Viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Trẻ sử dụng một số ký hiệu thông thường để làm các loại bưu thiếp. - Trẻ sử dụng bút chì, bút màu để đồ, tô ký hiệu, chữ cái, chữ số.

IV.GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

67. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ	- Trẻ Kể tên tuổi, giới tính. - Trẻ giới thiệu về mình, về gia đình mình (Họ tên, giới tính, địa chỉ gia đình, là con thứ mấy, những gì mình thích, không thích,...).
68. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói điều bé thích, không thích - Những việc làm được, những việc không nên làm. trong cuộc sống hàng ngày
69. Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	-Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi mà trẻ thích - Chia sẻ, hợp tác với bạn. - Trẻ biết chơi các trò chơi, thực hiện các tình huống để trải nghiệm, khám phá bản thân).
70.Cố gắng hoàn thành công việc được giao(Trực nhật, dọn đồ chơi)	- Chấp thuận và thực hiện theo quy tắc, quy định trong sinh hoạt hàng ngày. - Lắng nghe ý kiến của người khác, vui chơi hòa thuận với bạn bè - Hoàn thành công việc
71. Trẻ biết nhận biết và biết biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh. - Nhận ra một số trạng thái cảm xúc - Thể hiện cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.
72. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Trẻ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. - Nhận ra hình ảnh Bác hồ qua tranh ảnh, băng đĩa nhà Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ * LVPTNT – KPXH: - Ngày sinh nhật Bác - Bác Hồ của em
73. Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Xem tranh ảnh “Bác Hồ” - Biết thể hiện tình cảm của mình với Bác bằng một số hoạt động cụ thể như: Đọc thơ, hát, múa... - Kể chuyện về bác hồ.
74. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	- Kể tên các danh lam thắng cảnh - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Trẻ biết một số danh lam thắng cảnh trong làng, xã (Nghĩa trang liệt sỹ, nhà truyền thống, trường tiểu học, cơ quan xã). - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Lễ hội đánh cờ ngày tết ...

	* LVPTNT- KPXH: Quê hương yêu dấu
75. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ; bỏ rác đúng nơi quy định.	- Cất đồ chơi vào nơi quy định sau khi chơi với đồ chơi. - Giữ trật tự, không làm ồn ào khi ngủ. - Giữ gìn, bảo vệ môi trường: bỏ rác vào thùng, chăm sóc con vật, cây cảnh, giữ gìn đồ dùng, đồ chơi. - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng
76. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép - Vâng lời người lớn, biết xin phép Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”, * LVPTTCKNXH: - Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi
77. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói; Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chú ý lắng nghe cô, bạn nói - Biết được nội dung và hiểu điều cô và bạn nói - Lắng nghe cô và các bạn đọc thơ kể chuyện - Chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. - Biết hợp tác cùng bạn trong các hoạt động. Không tranh dành chen lấn lẫn nhau, biết nhường nhịn nhau khi được nhắc nhở - Chú ý lắng nghe cô và bạn nói.
78. Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn bè cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật..)	- Chơi với bạn - Thỏa thuận về nội dung trẻ thực hiện Thực hiện công việc và cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi) - Biết chia sẻ kinh nghiệm với bạn khi chơi. - Có ý thức với công việc được giao, có tinh thần hợp tác. * HĐ Steam: Làm chuông gió Làm thuyền buồm Làm ô tô
79. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối - Thu thập tranh ảnh cách chăm sóc con vật cây cối * Hoạt động trải nghiệm: - Cho trẻ làm vườn
80. Trẻ biết quan tâm và bảo vệ môi trường sống.	- Trẻ biết bỏ rác vào đúng nơi quy định - Phân loại rác, biết các bài hát giáo dục bảo vệ môi trường. * PTKNTC- XH: - Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định - Dạy trẻ bảo vệ môi trường - Phân loại rác * Trò chuyện sáng Units: Bảo vệ môi trường của em

81. Không bẻ cành, bứt hoa.	- Không bẻ cành ngắt hoa, chăm sóc cây hoa nhỏ cỏ, tưới nước , không dẫm lên bồn hoa * HD trải nghiệm: - Chăm vườn hoa - gieo trồng hoa.
82. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Biết tắt điện khi không sử dụng, - Tiết kiệm điện, nước. Không đổ nước ra ngoài. - Biết lợi ích của việc tiết kiệm điện, nước - Giữ gìn vệ sinh môi trường. * LVPTTCKNXH: - Dạy trẻ biết tiết kiệm điện nước - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh bị điện giật - Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh đuối nước
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
83. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Thông qua các bài hát bản nhạc, trò chơi, câu đố - Trò Chơi âm Nhạc: + Hát theo hình vẽ + Nghe âm thanh to nhỏ + Thi xem ai nhanh + Tiếng hát ở đâu + Tai ai tinh + Ai đoán giỏi + Âm thanh ở phía nào + Nghe âm Thanh tìm đồ vật + Nốt nhạc may mắn + Bao nhiêu bạn hát + Sơn mi + Vòng quay Kỳ diệu + Nhảy vũ điệu theo nhạc + Thử tài bạn hát + Bé là ca sỹ + Nhận hình đoán tên bài hát
84. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư...) theo bài hát, bản nhạc.	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Nghe các bài hát: LVPTTM Nghe hát; Hãy lắng nghe (Nhạc nước ngoài lời lê đức thu hiền), Sinh nhật hồng, (Lê quốc Long), ... Khúc hát ru người mẹ trẻ(Phạm tuyên), Đường và chân(Nhạc hoàng long, lời xuân cửu), Năm ngón tay ngoan (trần văn thụ)..

85. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời; Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, tiết tấu, vận động minh hoạ...) (MT34)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm - Lựa chọn các loại dụng cụ khác nhau mà trẻ thích như xắc xô, trống , phách, đàn, trốngThông qua các bài hát dạy trẻ và vận động: - Chủ đề trường mầm Non; + Trường chúng cháu là trường mầm non(Phạm tuyên), Bông hoa mừng cô (Trần Thị Duyên), Cô Giáo (Đỗ mạnh Thường), Cháu vẽ ông mặt Trời(Tân Huyền) Múa vui(Lưu Hữu Phước), Vui đến trường(Hồ Bắc), Quà 8/3(Hoàng Long), Đu quay(Mộng Lân), Hôm qua em tới trường(Bùi đình thảo), Cháu đi mẫu giáo (Phạm minh tuần), .. - Chủ đề Bản Thân: + Cái mũi(Lê Đức- Thu Hiền), Bạn ở đâu (Nhạc pháp lời lê đức thu hiền) cùng đi đều(kim hữu), Mời bạn ăn(Trần ngọc), Bạn có biết tên tôi(Lê đức – Thu Hiền), Càng lớn càng ngoan(Đức Bằng), Chòm tóc xinh(Hoàng công Dũng), Hãy lắng nghe((Lê đức – Thu Hiền), Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung), Xòe bàn tay, đếm ngón tay (Trần văn Thụ), Nắm tay thân thiết (Nhạc nước ngoài), Tay thơm tay ngoan (Bùi đình thảo), Tập đếm (Hoàng công sử), chiếc đèn ông sao, đêm trung thu... - Chủ đề Gia Đình: + Cháu yêu bà(Xuân Giao), Chào Hỏi (Trần Hoàng Tiến), Mẹ yêu không nào(Lê xuân Thọ), Nhà của tôi (Thu Hiền), Cả nhà thương nhau(Phan Văn Minh), Mẹ đi vắng(Trịnh Công Sơn), Mẹ yêu không nào(Lê văn Thọ), Con Chim Vành Khuyên (Hoàng Vân). Múa cho mẹ xem, Chiếc khăn tay..... - Chủ đề nghề nghiệp: + Bác đưa thư vui tính, em thích làm chú bộ đội (Hoàng long.), Chú bộ đội (hoàng hà) cháu yêu cô chú công nhân,(Hoàng văn Yển),Cô giáo(Đỗ mạnh thường), Em tập lái ô tô, Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu), Yêu sao nghề giáo. Em là công an tí hon (Trần Xuânn tiến.) Ba em công nhân lái xe (Lê văn lộc), Ba em là bộ đội hải quân (Quỳnh hợp)... - Chủ đề Động vật: - Con chuồn chuồn (Vũ đình Lê.), Gà trống mèo con và cún con(Thế Vinh), Rửa mặt như mèo(Hàn Ngọc
---	--

	Bích), Cá vàng Bơi(Hà Hải), Đố bạn (Hồng Ngọc), Con chim non(dân ca pháp), Thật là hay(Hoàng Lâm), Vì sao con chim hay hót(Hà Hải), Chú thỏ con (Xuân hồng) Con heo đất (ngọc lễ), chim chích bông (Văn dung). Vì sao con chim hay hót (Nguyễn hà hải). Con chim vành khuyên(Hoàng vân) ... -Chủ đề thực vật: Quả (Xanh xanh), bầu và bí (lời ca dao cổ), Lý cây xanh(dân ca nam bộ), mùa xuân (Hoàng văn yền), sắp đến tết rồi(hoàng vân), Xòe hoa(dân ca thái), Chúc tết (Nguyễn văn Hiên), Cây bắp cải (Hoàng văn Yên), Em yêu cây xanh (Hoàng văn Yên), Ngày vui 8-3(Hoàng văn Yên), màu hoa (Hồng đăng), ... - Chủ đề Giao Thông; + Đi trên vỉa hè bên phải(Nguyễn thị Thanh), Chúng em chơi giao thông (Ngô quốc Tính), Nhớ lời cô dặn(Hồng ngọc), Em đi chơi thuyền (Trần kết tường), Đường em đi(Nhạc ngô quốc tính, Lời tường văn), Bác đưa Thư vui tính (Hoàng Long), Đi đường em nhớ (Nguyễn Thị Thanh), Đèn đỏ đèn xanh(, Lương vĩnh), Em là công an tí hon (Trần Xuân tiến.) - Chủ đề Nước hiện tượng tự nhiên: + Mùa hè đến(Nguyễn thị Nhung) , cho tôi đi làm mưa với (Hoàng hà), bé và trăng (Bùi anh tôn), mây và gió(minh quân), nắng sớm (Hàn ngọc linh), Bốn mùa(Hoàng Long), Đêm sao(Văn Chung), Rước đèn dưới trăng (Phạm tuyên), Cái cò đi đón cơn mưa (Phạm tuyên). Trời nắng trời mưa (Khánh vinh). - Chủ đề Quê hương đất nước Bác Hồ + Em mơ gặp bác hồ (xuân giao), Em yêu thủ đô(bảo trọng), múa đàn(Dân tộc thái- Lời việt anh), Lá Cờ nhỏ (Việt phương), Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu), Múa với bạn tây nguyên (Phạm tuyên), Nhớ giọng nói Bác Hồ(Thanh Phúc)..... - Biểu diễn cuối các chủ đề
86. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. HDNT: Trẻ vận động một số bài hát, bản nhạc theo ý thích.
87. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	-Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên - Nói ý tưởng của mình qua tác phẩm

88. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Tìm kiếm, lựa chọn các nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Làm quà tặng chú bộ đội. - Trải nghiệm làm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu thiên nhiên - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.. * HD trải nghiệm, - Gói bánh chưng. - Làm quà tặng mẹ..
89. Trẻ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc bố cục.	- Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục - Vẽ theo theo đề tài, vẽ theo ý thích - Vẽ tự do * LVPTTM TH Vẽ: + Chủ đề trường mầm non +Vẽ trường mầm non của bé + Vẽ đồ chơi tặng bạn + Chủ đề bản thân: + Vẽ tô màu khuôn mặt bé + Chủ đề gia đình + Vẽ chân dung mẹ + Chủ đề nghề nghiệp. +Vẽ đồ dùng một số nghề + Chủ đề động vật: + Vẽ con vật sống dưới nước + Chủ đề thực vật: + Vẽ hàng cây + Vẽ các loại quả + Chủ đề giao thông + Vẽ thuyền buồm - Vẽ trên nhiều chất liệu + Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên + Vẽ cầu vồng

90 Có kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục - Xé cắt đường cong - Cắt được hình, không bị rách - Đường cắt lượn sát theo hình vẽ - Cắt được hình, không bị rách - Cắt dán ngôi nhà từ các hình đơn giản. * LVPTTM: T hình: + Chủ đề trường mầm non. + Cắt dán hàng rào + Chủ đề bản thân + Cắt dán đôi tất * HD Steam: Làm chuông gió. Làm đèn lồng trung thu. + Chủ đề gia đình + Cắt dán trang phục từ họa báo + Cắt dán đồ dùng trong gia đình + Cắt dán ngôi nhà + Chủ đề Nghề nghiệp + Cắt dán hình ảnh các nghề * HD Steam: Làm cái cốc + Chủ đề thực vật: + Cắt dán hoa + Cắt dán trang trí cây thông + Xé dán mâm ngũ quả + xé dán rau + Chủ đề giao thông + Cắt dán đèn tín hiệu giao thông + Cắt dán lá cờ tổ quốc * HD Steam: Làm thuyền nổi trên sông - Làm ô tô
91. Trẻ biết làm lỗm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Làm lỗm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm * LVPTTM TH Đề tài nặn: + Chủ đề trường mầm non. - Nặn chuỗi vòng tặng bạn + Chủ đề gia đình - Nặn đồ dùng gia đình + Chủ đề Nghề nghiệp - Nặn đồ dùng của một số nghề + Chủ đề động vật - Nặn con thỏ + Chủ đề bản thực vật - Nặn các loại quả - Trẻ nặn theo ý thích, nặn theo đề tài

	- Nặn đồ dùng gia đình, con vật, các loại hoa quả, bông hoa
92. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng - Nhận xét sản phẩm của mình của bạn theo bố cục bức tranh * LVPTTM- Tạo hình: + Chủ đề bản thân + Trang trí bánh sinh nhật + Chủ đề gia đình + Trang trí rèm cửa + Trang trí khung ảnh gia đình + Chủ đề nghề nghiệp + Làm quà tặng cô giáo + Trang trí bưu thiếp + Chủ đề động vật + Làm con vật từ lá cây + Tạo hình từ các nguyên vật liệu thiên nhiên + Chủ đề nước hiện tượng tự nhiên. - Làm chong chóng + Tô màu tranh biển đảo quê hương * Hoạt động Steam:
93. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. . Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Trẻ biết nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Theo tranh trẻ đã làm - Trưng bày sản phẩm, hoạt động tạo hình, các hội thi - Hoạt động tạo hình theo chủ đề - Tích cực, sáng tạo tham gia theo ý của mình, thích thú sản phẩm mình tạo ra. - Trả lời được câu hỏi của cô, của bạn, con làm như thế nào, ... - Trẻ tự đặt tên cho sản phẩm của mình
VI. MỤC TIÊU NỘI DUNG BỔ SUNG TĂNG CƯỜNG	
94. <i>Tin học:</i> Biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM.	-Biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM.
95. <i>Ngoại ngữ:</i> Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản,	- Trẻ nghe và trả lời được một số từ tiếng anh cơ bản. -Trẻ nói và thực hành một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình

quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình.	
--	--

Hải Châu, ngày 20 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Luyện